

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 4 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Kép** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tú T** – sinh năm 1982

Địa chỉ: Số M, ấp B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H** - sinh năm 1979

Địa chỉ: Số B, đường V, phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Trần Thị Tú T** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh **Nguyễn Thanh H** sống chung như vợ chồng từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/12/2007. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không hàn

gắn được. Đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có một con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/8/2007. Cháu N đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh H. Về con chung, có đủ cơ sở giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Tú T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh H có địa chỉ cư trú tại phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy chị Trần Thị Tú T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy chị Trần Thị Tú T và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 26/12/2007, nên hôn nhân của chị T và anh H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị T xác định quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H. Anh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh H không sống chung với nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay, trong thời gian này chị T và anh H không hàn gắn được tình cảm với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy anh H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị T và anh H không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị T xác định có một con chung tên Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 26/8/2007. Hiện nay cháu N đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho cháu Ngọc.

Cháu N hiện đang sống chung với chị T và có nguyện vọng được sống cùng chị T. Anh H không thể hiện ý kiến có nguyện vọng nuôi con.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là cháu Nguyễn Thị Yên N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu N đang sống cùng chị T, cho nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Tú T xác định trong quá trình chung sống, anh chị không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh Nguyễn Thanh H không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Tú T đối với anh Nguyễn Thanh H. Chị Trần Thị Tú T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 26/8/2007 cho chị Trần Thị Tú T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Hiện nay cháu N đang sống cùng chị T, nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị Tú T không yêu cầu anh Nguyễn Thanh H cấp dưỡng cho con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Thanh H được quyền thăm nom con chung là Nguyễn Thị Yên N, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Trần Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0000249 ngày 14/01/2019** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND xã phường B, thành phố B;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam